

Cho thuê tài chính là 1 hình thức tín dụng trung và dài hạn - đó chính là một giải pháp cấp tín dụng bằng hiện vật thay thế cho việc đi vay từ các ngân hàng hay các định chế khác để mua sắm TSCĐ. Đây là một nguồn tài trợ rất có ý nghĩa đối với các nước có nền kinh tế đang phát triển, nó thường gắn chặt với lĩnh vực SXKD - nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang có nhu cầu cấp bách về vốn và các giải pháp tối ưu để thực hiện việc đổi mới trang thiết bị, kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng, đủ sức cạnh tranh với thị trường trong nước và thị trường thế giới.

Tuy nhiên, do loại hình tín dụng này mới xuất hiện và còn khá nhiều mới mẻ đối với nước ta nên các quy chế về tài chính, kế toán đã ban hành chưa dự liệu hết các nội dung xảy ra cho hoạt động này, mặt khác các



MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

TRẦN ANH HOA

thông tư hướng dẫn về hạch toán đối với hoạt động thuê tài chính còn khá nhiều điểm chưa thống nhất với chính sách tài chính.

Trong phạm vi bài viết này chúng tôi xin được đề cập đến một số vấn đề còn vướng mắc và trên cơ sở đó đưa ra 1 số ý kiến nhằm hoàn thiện nội dung nghiệp vụ kế toán tài sản cố định thuê tài chính cho phù hợp với thực tiễn hiện nay và nhất là đảm bảo được sự nhất quán với chính sách tài chính. Và trong nội dung này chủ yếu đề cập đến doanh nghiệp đi thuê thuộc diện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

Như chúng ta đã biết dịch vụ cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật là dịch vụ tín dụng trung và dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài sản giữa bên cho thuê với bên đi thuê.

Do vậy theo thông tư 49/1999/TT/BTC thì doanh thu cho thuê tài chính không thuộc diện chịu thuế GTGT. Số thuế GTGT của tài sản thuê tài chính do bên cho thuê đã nộp khi mua hoặc nhập khẩu tài sản sẽ được bên đi thuê trả dần trên cơ sở hợp đồng thuê tài chính.

Theo đó, bên cho thuê sẽ xuất hoá đơn dịch vụ cho thuê tài chính cho bên đi thuê theo thời gian trả tiền quy định trong hợp đồng (có thể theo tháng hoặc theo quý). Khi lập hoá đơn thì cột thuế GTGT (kỳ này) được xác định theo nguyên tắc phân bổ đều số thuế GTGT đã nộp tương ứng với thời gian cho thuê. Như vậy về phía bên đi thuê ngoài việc trả tiền thuê còn phải trả tiền thuế GTGT mà bên cho thuê đã thanh toán với nhà cung cấp tài sản (nếu mua trong nước) hoặc

đã nộp ngân sách nhà nước (trường hợp nhập khẩu). Căn cứ vào hoá đơn bên cho thuê phát hành, bên đi thuê sẽ thực hiện hạch toán phần thuế GTGT đã trả cho bên cho thuê vào tài khoản khấu trừ thuế.

Thế nhưng theo thông tư 107/1999/TT/BTC thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê mà bên cho thuê đã thanh toán được bên đi thuê ghi nhận cùng lúc với việc ghi tăng TSCĐ thuê tài chính. Cụ thể:

(...)/ Khi nhận TSCĐ thuê tài chính, kế toán căn cứ vào hợp đồng thuê tài chính và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị TSCĐ thuê tài chính theo giá chưa có thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ ghi:

Nợ TK 212 - TSCĐ thuê tài chính.

Nợ TK 133 - Thuế GTGT đầu vào.

Có TK 342 - Nợ dài hạn.

2/+ Căn cứ vào hoá đơn dịch vụ cho thuê tài chính từng kỳ, kế toán xác định số tiền phải trả kỳ này cho bên cho thuê tài chính, trên cơ sở đó tính và xác định số lãi thuê phải trả kỳ này, nợ dài hạn đã đến hạn trả, ghi:

Nợ TK 342 - Nợ dài hạn (Tổng số tiền thuê phải trả kỳ này trừ (-) lãi thuê phải trả)

Nợ TK 642 - Chi phí QLDN (Lãi thuê phải trả kỳ này).

Có TK 315 - Nợ dài hạn đến hạn trả (Tổng số tiền thuê phải trả kỳ này)

+ Khi trả tiền thuê TSCĐ cho bên cho thuê tài chính, ghi:

Nợ TK 315

Có TK 111,112.

(...)/ Trường hợp phải chi thêm tiền để mua lại TSCĐ thì đồng thời với 2 bút toán kết chuyển Nguyên giá và Giá trị hao mòn của TSCĐ thuê tài chính thành Nguyên giá và GTM của TSCĐ hữu hình của DN (như đã hướng dẫn theo 1141TC/QĐ/TCKT), kế toán còn phải phản ánh giá trị tăng thêm của TSCĐ khi mua lại. Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính (lần cuối cùng) và các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 211

Có TK 111,112

Như vậy qua hướng dẫn trên, chúng tôi nhận thấy còn tồn tại những vấn đề sau:

1. Những vấn đề còn tồn tại:

a. Về việc hạch toán thuế GTGT đầu vào:

Theo các bút toán hướng dẫn (1), (2) và (3) thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thuê tài chính mà bên cho thuê đã gián tiếp nộp hộ được bên đi thuê hạch toán 1 lần vào TK 133 "Thuế GTGT được khấu trừ" cùng lúc với việc hạch toán tăng TSCĐ thuê tài chính. Trong khi đó, việc trả tiền thuê tài sản được tiến hành định kỳ theo quy định trong hợp đồng, và mỗi khi thanh toán tiền mới được bên cho thuê xuất hoá đơn dịch vụ - trong đó thuế GTGT được phân bổ dần theo thời gian thuê.

Hơn nữa, việc hạch toán toàn bộ thuế GTGT đầu vào như trên không có cơ sở vì theo TT49 thì Hoá đơn GTGT khi mua tài sản hoặc biên lai nộp thuế GTGT trong trường hợp nhập khẩu tài sản sẽ do bên cho thuê chịu trách nhiệm quản lý. Các chứng từ này sẽ được chuyển giao cho bên đi thuê sau khi đã khấu trừ hết số thuế GTGT và chuyển quyền sở hữu cho bên đi thuê khi kết thúc hợp đồng cho thuê tài chính.

Tất nhiên, cũng có thể ghi nhận thuế GTGT đầu vào cùng lúc với việc

ghi tăng TSCĐ thuê tài chính trong trường hợp DN trả tiền thuế của kỳ thứ 1 ngay khi nhận TSCĐ thuê, nhưng không phải là toàn bộ số thuế GTGT mà chỉ là số thuế GTGT đã được thể hiện trên hoá đơn dịch vụ cho thuê tài chính do bên cho thuê đã phân bổ cho kỳ thứ 1.

b. Về việc hạch toán chi phí lãi thuê:

Chi phí lãi thuê tài chính về thực chất cũng là 1 khoản lãi vay vốn - 1 khoản phí về sử dụng vốn, nhưng theo hướng dẫn trên thì được hạch toán vào chi phí QLDN. Cho nên để nhất quán với thông tư 63/1999/TT-BTC ngày 7.6.1999 của Bộ tài chính hướng dẫn việc quản lý doanh thu, chi phí và Z sản phẩm, dịch vụ tại các doanh nghiệp nhà nước thì khoản chi phí lãi thuê tài chính nên chăng hạch toán vào tài khoản 811 - Chi phí hoạt động tài chính.

Và do khoản chi phí này đã nằm trong kế hoạch của doanh nghiệp vì vậy trong trường hợp kỳ trả tiền không trùng với kỳ kế toán của DN thì định kỳ kế toán có thể tiến hành trích trước chi phí lãi thuê tính vào chi phí hoạt động tài chính của kỳ đó.

c. Việc xác định nợ dài hạn đến hạn trả trong niên độ kế toán tiếp theo để chuyển sang theo dõi trên tài khoản 315 không phải căn cứ vào hoá đơn dịch vụ cho thuê tài chính từng kỳ (tháng, quý hoặc để đơn giản thì hoá đơn được xuất 2 lần trong 1 năm) mà theo nguyên tắc phải được xác định vào cuối niên độ kế toán căn cứ vào quy định trong hợp đồng thuê tài chính.

d. Bộ tài chính chưa có thông tư hướng dẫn kế toán thuế GTGT đầu vào đối với các công ty cho thuê tài chính hoặc các doanh nghiệp có tài sản cố định cho thuê tài chính.

Như vậy khoản thuế GTGT mà bên cho thuê đã gián tiếp nộp hộ khi mua TSCĐ cho thuê tài chính sẽ được tính nhập vào giá trị tài sản cho thuê (rồi sau đó sẽ thu hồi dần cùng với tiền cho thuê tài sản ở mỗi kỳ) hay là được phản ánh vào một tài khoản riêng để theo dõi...?

Theo ý kiến của chúng tôi, đối với các doanh nghiệp có TSCĐ cho thuê tài chính nên hạch toán toàn bộ khoản thuế GTGT khi mua TSCĐ cho thuê tài chính vào TK 1388 "Khoản phải thu khác" (còn các công ty cho thuê tài chính theo Nghị định 64-CP do áp dụng hệ thống TK kế toán ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành nên xin không đề cập đến trong bài báo này). Mặc dù, tính nhập vào giá trị tài sản cho thuê hay tách riêng thì số tiền thu về ở mỗi kỳ cũng không có gì khác nhau. Thế nhưng, nếu được theo dõi riêng trên TK 138(1388) thì bên cho thuê sẽ dễ

dàng xác định phần thuế GTGT đã thu hồi, phần còn lại chưa thu hồi hết, nhất là trong trường hợp bên thuê không thực hiện hợp đồng (lẽ dĩ nhiên phải chịu phạt) dẫn đến việc bên đi thuê phải thu hồi tài sản và tiếp tục cho bên thứ 3 thuê theo hình thức cho thuê tài chính hoặc khi bán lại tài sản cho thuê.

Như vậy, trong trường hợp sử dụng TK 138 (1388) để phản ánh khoản thuế GTGT đã nộp hộ và tình hình phân bổ số thuế GTGT này cho bên đi thuê thì căn cứ để ghi vào bên Nợ của TK 138 (1388) là hoá đơn GTGT khi mua tài sản trong nước để cho thuê hoặc biên lai nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu (khi nhập khẩu). Và căn cứ vào hoá đơn dịch vụ cho thuê tài chính để ghi vào bên Có TK 138 (1388).

2. Một số ý kiến đóng góp để hoàn thiện nội dung kế toán nghiệp vụ thuê tài chính đối với bên đi thuê và bên cho thuê áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp) trong trường hợp thực hiện luật thuế GTGT hiện nay.

a. Đối với bên cho thuê:

(1) Khi mua TSCĐ của nhà sản xuất trong nước để sử dụng vào dịch vụ cho thuê tài chính thì TSCĐ sẽ được nhà cung cấp chuyển đến địa điểm để lắp đặt theo yêu cầu của bên đi thuê. Căn cứ vào hoá đơn và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi:

Nợ TK 228 : theo giá mua TSCĐ chưa có thuế GTGT

Nợ TK 138(8) : Số thuế GTGT bên cho thuê đã gián tiếp nộp hộ.

Có TK 111,112,331,341 : Tổng số tiền phải thanh toán cho nhà cung cấp

Trường hợp TSCĐ cho thuê tài chính phải nhập khẩu:

- Căn cứ vào invoice, biên lai nộp thuế và các chứng từ có liên quan kế toán ghi số:

Nợ TK 228: Giá invoice + thuế nhập khẩu + Chi phí kiểm dịch, bốc vác...

Có TK 331, 112 : Số tiền phải thanh toán cho nhà xuất khẩu

Có TK 333(3): Thuế nhập khẩu phải nộp (nếu có)

Có TK 111,112,141 : Chi phí kiểm dịch, bốc vác, lưu kho...

(Các khoản chênh lệch tỷ giá nếu có được phản ánh vào TK 413)

- Căn cứ vào biên lai phản ánh thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp (hệ):

Nợ TK 138(8) / Có TK 333(12)

Đồng thời căn cứ vào các chứng từ có liên quan phản ánh bút toán đã nộp thuế:

Nợ TK 333(3), 333(12) / Có TK 111, 112

(2) Định kỳ, thu tiền của bên đi thuê tài chính (gồm 1 phần vốn gốc + lãi cho thuê và 1 phần thuế GTGT

phân bổ theo thời gian cho thuê tương ứng). Căn cứ vào hoá đơn cho thuê tài chính và các chứng từ có liên quan, kế toán phản ánh:

Nợ TK 111,112: Số tiền thu định kỳ

Có TK 711: Thu nhập cho thuê tài chính (gồm I phần vốn gốc + lãi)

Có TK 1388: Số thuế GTGT đã phân bổ cho bên đi thuê.

Đồng thời, phản ánh giá trị đầu tư đã thu hồi tương ứng (1 phần vốn gốc), kế toán ghi:

Nợ TK 811- Chi phí hoạt động tài chính/ Có TK 228-Đầu tư dài hạn khác

(3) Khi hết thời hạn thuê- kết thúc hợp đồng cho thuê:

(3.1) Trường hợp hợp đồng quy định khi hết thời hạn thuê quyền sở hữu về tài sản sẽ được chuyển sang bên đi thuê (sau khi đã thanh toán đủ toàn bộ giá trị hợp đồng) thì hai bên chỉ việc lập biên bản thanh lý hợp đồng và kế toán kết thúc nghiệp vụ cho thuê sau khi đã chuyển các hoá đơn GTGT hoặc biên lai nộp thuế sang bên đi thuê

(3.2) Trường hợp hợp đồng cho thuê quy định bên đi thuê chỉ thuê hết một phần giá trị tài sản, sau đó mua lại tài sản.

Căn cứ vào hoá đơn dịch vụ cho thuê tài chính lập tại thời điểm bên thuê mua lại tài sản, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112: Tổng số tiền được thanh toán

Có TK 711: Số tiền bán TSCĐ cho thuê tài chính

Có TK 1388: Phân bổ hết số thuế GTGT còn lại (= thuế GTGT trên hoá đơn GTGT- thuế GTGT đã phân bổ thể hiện trên Hóa đơn dịch vụ cho thuê TC (mục 3- Cột lũy kế)

Đồng thời, phản ánh giá trị đầu tư còn lại của TSCĐ cho thuê tài

chính chưa thu hồi hết, kế toán ghi:

Nợ TK 811/ Có TK 228

(3.3) Trường hợp nhận lại TSCĐ cho thuê trên thực tế trường hợp này rất hiếm) kế toán phản ánh tăng TSCĐ với Nguyên giá là giá trị còn lại của tài sản:

Nợ TK 211/ Có TK 228

b. Đối với bên đi thuê tài chính

(1) Khi nhận TSCĐ thuê tài chính, căn cứ vào hợp đồng thuê TC, kế toán phản ánh tăng TSCĐ thuê tài chính và ghi nhận nợ thuê tài sản theo nguyên giá (thay vì phản ánh cả phần thuế GTGT như thông tư 107 đã hướng dẫn)

Nợ TK 212 / Có TK 342

Trường hợp trả tiền thuê của kỳ thứ 1 ngay khi nhận TSCĐ thuê, căn cứ vào hoá đơn dịch vụ của bên cho thuê tài chính cấp và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi số:

Nợ TK 342 : Trả nợ trước hạn

Nợ TK 811, hoặc (142) : Lãi thuê tài chính phải trả cho kỳ thanh toán thứ 1

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111,112: Tổng số tiền phải thanh toán ở kỳ thứ 1

(2) Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào hợp đồng thuê tài chính, xác định nợ dài hạn đến hạn trả trong niên độ kế toán tiếp theo, kế toán ghi:

Nợ TK 342 / Có TK 315

(3) Hàng tháng :

- Trích trước chi phí lãi thuê tài chính (nếu kỳ trả tiền không phù hợp với kỳ kế toán)

Nợ TK 811 / Có TK 335

- Trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính (căn cứ vào thời gian thuê để xác định mức khấu hao phải trích mỗi tháng)

Nợ TK 627(4), 641(4), 642(4)

Có TK 214(2)

(4) Định kỳ trả tiền thuê theo

thời gian quy định trong hợp đồng- Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính do bên cho thuê xuất và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi:

Nợ TK 315 :Nợ gốc phải trả trong kỳ

Nợ TK 335 : Lãi thuê phải trả trong kỳ

Hoặc Nợ TK 811 : Lãi thuê phải trả (nếu kỳ trả tiền phù hợp với kỳ kế toán)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào
Có TK 111,112 : Tổng số tiền phải thanh toán trong kỳ

(5) Khi hết thời hạn thuê- kết thúc hợp đồng thuê tài chính:

(5.1) Nếu bên đi thuê được chuyển quyền sở hữu: Căn cứ vào bản thanh lý hợp đồng, hoá đơn GTGT hoặc biên lai nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu do bên cho thuê chuyển giao, kế toán kết chuyển nguyên giá TSCĐ thuê tài chính thành nguyên giá TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp:

Nợ TK 211 / Có TK 212

Đồng thời chuyển giá trị hao mòn (GTHM) của TSCĐ thuê TC thành GTHM của TSCĐ hữu hình của DN:

Nợ TK 2142 / Có TK 2141

(5.2) Nếu hợp đồng quy định bên đi thuê chỉ thuê một phần giá trị tài sản, sau đó được mua lại thì lúc này căn cứ vào các chứng từ trên kế toán phản ánh 2 bút toán như trên, đồng thời căn cứ vào hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính do bên cho thuê xuất ở thời điểm mua lại để phản ánh GT tăng thêm của TSCĐ mua lại và thuế GTGT đầu vào:

Nợ TK 211: Số tiền trả thêm để mua TSCĐ thuê TC

Nợ TK 133: Số thuế GTGT đầu vào còn lại (= Số thuế GTGT trên hoá đơn GTGT- số thuế GTGT đã trả dần)

Có TK 111,112: Tổng số tiền phải thanh toán

(5.3) Nếu phải trả lại tài sản cho bên cho thuê, căn cứ vào biên bản bàn giao TSCĐ và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi :

Nợ TK 214(2): Giá trị hao mòn của TSCĐ thuê tài chính.

Nợ TK 142: GT tài sản còn lại chưa khấu hao hết (nếu có)

Có TK 212: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

Trên đây là một số ý kiến của chúng tôi nhằm hoàn thiện nội dung kế toán nghiệp vụ tài sản cố định thuê tài chính nhằm đảm bảo được sự phù hợp với chính sách tài chính đã ban hành. Do khuôn khổ bài báo có hạn, nên chúng tôi không thể chi tiết hết cho mọi trường hợp có thể xảy ra đối với nghiệp vụ này, vì thế xin phép chỉ nêu lên các trường hợp cơ bản trên ■

